

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2019/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám (sau đây gọi là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường) thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là những thông tin, dữ liệu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT, ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT), thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Điều 3. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo các nguyên tắc quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP, ngày 14/6/2017 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 73/2017/NĐ-CP).

Điều 4. Sự tham gia của các tổ chức, cá nhân

1. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc thu nhận, tạo lập và cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đúng quy định của pháp luật;

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân cung cấp, hiến tặng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho cơ quan nhà nước góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia, phục vụ lợi ích chung của xã hội.

Điều 5. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách Nhà nước cấp tỉnh cấp, được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường, trên cơ sở dự toán kinh phí hàng năm do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ theo quy định.

Chương II

TỔ CHỨC THU THẬP, QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

b) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường tổ chức thực hiện thu thập, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh;

c) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

d) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường;

đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ nghiệp vụ quản lý, lưu trữ, tra cứu, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

e) Xây dựng, cập nhật, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thực hiện công bố trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Tài chính xem xét kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường lập, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch hàng năm.

3. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu và an ninh mạng.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hàng năm;

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố cho Sở Tài nguyên và Môi trường hàng năm.

5. Các sở, ban, ngành phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh đối với lĩnh vực phụ trách; Giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường các dữ liệu liên quan đến tài nguyên và môi trường.

6. Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước) và các tổ chức, doanh nghiệp khác (thuộc diện phải nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của Nhà nước) trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Điều 8 Quy chế này.

Điều 7. Thực hiện Kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được phê duyệt, thực hiện:

a) Thu thập, tập hợp, lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với các thông tin, dữ liệu trực tiếp quản lý, lưu trữ và cung cấp;

b) Thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý;

c) Xây dựng, cập nhật danh mục, thông tin mô tả để phục vụ công bố, tra cứu, cung cấp.

2. Việc thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định, quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Nội dung thông tin, dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời; Ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

3. Việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Hình thức thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT.

Điều 8. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để thu thập, tạo lập dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường) 01 bộ dữ liệu đúng theo chuẩn dữ liệu chuyên môn đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành;

2. Các cơ quan đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường để xây dựng, cập nhật danh mục, thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố phục vụ tra cứu, cung cấp, khai thác sử dụng;

3. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được chủ đầu tư dự án, đề án giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường để lưu trữ theo quy định. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm giao nộp để lưu trữ phải được Thủ trưởng cơ quan chủ đầu tư, Thủ trưởng đơn vị thi công hoặc nhà thầu, Thủ trưởng đơn vị kiểm tra chất lượng sản phẩm và các cấp có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan ký tên, đóng dấu xác nhận;

4. Thời gian giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường để lưu trữ, cụ thể:

a) Đối với thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ, thời hạn giao nộp không quá 30 ngày kể từ ngày thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được nghiệm thu cấp chủ đầu tư. Việc giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ vào lưu trữ thực hiện theo khoản 7 Điều 18 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 03 năm 2019 của Chính phủ.

b) Thời gian thu thập, cập nhật thông tin mô tả và thời gian giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường để lưu trữ đối với các trường hợp còn lại thực hiện theo Kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Gửi thông báo đến Sở Tài nguyên và Môi trường về danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình sở hữu và có nhu cầu cung cấp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP;

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng;

3. Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

4. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 10. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường toàn tỉnh. Việc bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành để bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho tài liệu, nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng tài liệu;

2. Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường được giao nhiệm vụ xây dựng, vận hành, sử dụng thông tin, dữ liệu các cơ sở dữ liệu thành phần quy định tại Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường để cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường toàn tỉnh.

Điều 11. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng Quy chế vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường toàn tỉnh;

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm;

3. Thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường bị hư hỏng, phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu. cụ thể như sau:

a) Thông tin, dữ liệu lưu giữ trong cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được sao chép vào đĩa cứng hoặc đĩa quang (CD, DVD), băng từ theo định kỳ 03 tháng 01 lần và lưu trữ theo quy định;

b) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được lưu trữ bản dự phòng ít nhất 06 tháng 01 lần. Bản dự phòng có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị;

c) Định kỳ 06 tháng 01 lần phải kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện việc bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

Chương III KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 12. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát

triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thời gian công bố trước ngày 31 tháng 12 hàng năm và được cập nhật thường xuyên theo tình hình thực tế. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin;

2. Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, cập nhật, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP;

3. Quy trình xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT.

Điều 13. Hình thức và trình tự khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức và trình tự sau đây:

1. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP;

2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu; trình tự thực hiện theo Điều 18 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP;

3. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự giữa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu. Mẫu hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Điều 20 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Chương IV

KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 15. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh

Việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh phải tuân theo các nguyên tắc quy định tại điều 21 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 16. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

1. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường bao gồm thông tin, dữ liệu thời gian thực và thông tin, dữ liệu có độ trễ về thời gian (phải qua các bước phân tích, xử lý). Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường, đặc biệt là thông tin dữ liệu thời gian thực từ nguồn ngân sách nhà nước

hoặc bắt buộc quan trắc theo quy định của pháp luật phải được thu nhận, tích hợp và chia sẻ, cung cấp kịp thời cho các cơ quan, tổ chức có chức năng, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thu thập, thu nhận, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường theo thẩm quyền quản lý; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường về cơ sở dữ liệu quốc gia của Bộ Tài nguyên và Môi trường; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do cơ quan quản lý với các bộ, ngành theo quy định.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy chế này;

2. Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quy chế này;

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**